TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2023/DS-ST
Ngày 27-9-2023
V/v tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 469/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1934 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nuôi:

1. Ông Hồ Phi L, sinh năm 1951; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Hồ Minh D, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Hồ Văn Q, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Hồ Thị P, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

5. Ông Hồ Tấn L, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

6. Ông Hồ Thanh T, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Ấp TP, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

7. Ông Hồ Văn U, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

8. Ông Hồ Minh C, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Hồ Thanh T, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Ấp TP, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Hồ Minh D, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Hồ Phi L, sinh năm 1951; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hồ Văn Q, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Hồ Thị P, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Hồ Tấn L, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Hồ Văn U, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

5. Ông Hồ Minh C, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

6. Ông Nguyễn Phước L; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

7. Bà Hà Phượng L; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

8. Anh Hồ Long P; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

9. Chị Hồ Khánh Băng; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

10. Bà Dương Bé Tư; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

11. Anh Hồ Văn Ri; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

12. Chị Nguyễn Thị Mỹ Ngôn; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

13. Chị Hồ Thị Nga; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

14. Chị Hồ Kim Dung; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

15. Bà Phạm Thị Nương; địa chỉ: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

16. Chị Hồ Thúy Niệm; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

17. Anh Hồ Thanh Thức; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

18. Chị Nguyễn Thị Diệu Hiền; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

19. Bà Nguyễn Kim Yến; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

20. Chị Hồ Kim Ngân; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

21. Bà Nguyễn Ngọc Châu, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

22. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Đầm Dơi; địa chỉ trụ sở: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa, ông D, ông T, ông Q, ông L, ông U, ông C, bà N, chị N và bà C có mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Ngọc C và ông Trần Hoàng H thống nhất trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 04/01/2023: Nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích 8.254m^2 tọa lạc ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau là của ông Hồ Văn T và bà Lê Thị N, ông T chết năm 2002 không để lại di chúc. Bà C yêu cầu cho bà Lê Thị N được hưởng phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 4.004,8m^2. Phần đất còn lại đồng ý giao cho ông Hồ Minh D, ông Hồ Tấn L và ông Hồ Văn U được hưởng.

Ông Hồ Minh D trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 04/01/2023: Ông đồng ý cho bà Lê Thị N được hưởng phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 4.004,8m^2 và yêu cầu Tòa án chia cho ông phần đất diện tích 2.547m^2.

Ông Hồ Thanh T trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 04/01/2023: Ông yêu cầu được hưởng một suất thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 4.004,8m^2 bà N yêu cầu.

Ông Hồ Văn U trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 04/01/2023: Ông yêu cầu được hưởng phần đất ngang 15m, dài khoảng 43m do ông T đứng tên.

Ông Hồ Minh D trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 25/5/2023: Năm 1987, ông T, bà N cho ông phần đất diện tích 2.547m^2 (phần đất diện tích 857,6m^2 nằm

trong phần đất diện tích 2.547m^2), ông quản lý, sử dụng cho đến nay. Phần đất diện tích 951,5m^2 và phần đất diện tích 4.004,8m^2 chưa có cho ai. Ông yêu cầu công nhận phần đất diện tích 2.547m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông và yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 951,5m^2 và phần đất diện tích 4.004,8m^2 theo pháp luật. Ngoài phần đất đã được Tòa án đo đạc, còn một phần đất khoảng 50m^2 vẫn chưa đo và nằm trong quyền sử dụng của ông T.

Ông Hồ Văn Q trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 25/5/2023: Trước đây, ông T, bà N có cho ông D, ông U và ông L một phần đất biền lá, còn phần đất diện tích 951,5m^2 và phần đất diện tích 4.004,8m^2 chưa có cho ai. Ông yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 951,5m^2 theo pháp luật và đồng ý chia cho ông C được hưởng phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 4.004,8m^2.

Ông Hồ Văn U trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 25/5/2023: Năm 1995 ông T, bà N cho ông phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 942,6m^2, ông quản lý, sử dụng đến năm 2002 thì được cấp quyền sử dụng. Phần đất diện tích 951,5m^2 và phần đất diện tích 4.004,8m^2 chưa có cho ai. Ông yêu cầu công nhận phần đất diện tích 942,6m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông. Ông yêu cầu chia cho ông C được hưởng phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 4.004,8m^2.

Ông Hồ Minh C trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 25/5/2023: Ông yêu cầu được hưởng phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 4.004,8m^2 theo di chúc của bà N, không yêu cầu chia thừa kế đối với các phần đất còn lại.

Ông Hồ Minh D trình bày tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/6/2023: Ông yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 2.547m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông theo Mảnh trích đo địa chính số 90-2017. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Ông Hồ Văn Q trình bày tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/6/2023: Ông yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 951,5m^2 theo pháp luật và đồng ý chia cho ông C được hưởng phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 4.004,8m^2.

Ông Hồ Văn U trình bày tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/6/2023: Ông yêu cầu công nhận phần đất diện tích 942,6m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông. Ông yêu cầu chia phần đất còn lại theo pháp luật.

Ông Hồ Minh C trình bày tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/6/2023: Ông yêu cầu được hưởng phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 4.004,8m^2 theo di chúc của bà N và chia thừa kế phần đất diện tích 951,5m^2 theo pháp luật.

Bà Hồ Thị P trình bày tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/6/2023: Bà đồng ý nhường lại một suất thừa kế theo pháp luật cho ông C đối với phần đất tranh chấp.

Tại phiên Tòa,

Ông Hồ Minh D trình bày: Ông yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 2.540,9m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Ông Hồ Thanh T và ông Hồ Văn Q trình bày: Hai ông yêu cầu được hưởng một kỷ phần thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích 4.956,3m^2 và yêu cầu được nhận giá trị.

Ông Hồ Tấn L trình bày: Ông yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 751,8m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông và đồng ý nhường một kỷ phần thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích 4.956,3m^2 cho ông C.

Ông Hồ Văn U và bà Phạm Thị N thống nhất trình bày: Ông bà yêu cầu ông D và những người ở trên phần đất diện tích 45,6m^2 trả lại đất và di dời các tài sản trên đất, không yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 812m^2 vì ông U đã được cấp quyền sử dụng đối với phần đất này. Ông U đồng ý nhường một kỷ phần thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích 4.956,3m^2 cho ông C.

Ông Hồ Minh C trình bày: Ông yêu cầu được hưởng phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 4.004,8m^2 theo di chúc của bà N và chia thừa kế phần đất diện tích 951,5m^2 theo pháp luật.

Bà Nguyễn Ngọc Châu trình bày: Trước đây, bà có mượn ông L số tiền 11.646.000đ để nộp tạm ứng chi phí tố tụng cho bà N. Đến khi ông C bán đất, bà, ông C và ông L thỏa thuận trừ vào tiền bán đất nên ông C được quyền quyết định đối với số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Hồ Minh D về việc yêu cầu công nhận phần đất diện tích 897m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông. Công nhận cho ông Hồ Minh D được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 897m^2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Hồ Minh D về việc yêu cầu công nhận phần đất diện tích 1.643,9m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông. Chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn U về việc yêu cầu ông Hồ Minh D, bà Dương Bé T, anh Hồ Văn R và chị Nguyễn Thị Mỹ N trả cho ông U phần đất diện tích 45,6m^2 và di dời các tài sản trên đất. Buộc ông Hồ Minh D, bà Dương Bé T, anh Hồ Văn R và chị Nguyễn Thị Mỹ N trả cho ông Hồ Văn U phần đất diện tích 45,6m^2 và di dời các tài sản trên đất. Chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Tấn L về việc yêu cầu công nhận phần đất diện tích 897m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông. Công nhận cho ông Hồ Tấn L được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 751,8m^2.

Chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Thanh T, ông Hồ Văn Q, Hồ Văn U và ông Hồ Văn C. Ông Q, ông T và ông D mỗi người hưởng phần đất 309,76m^2. Ông C được hưởng phần đất diện tích 4.026,95m^2. Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Hồ Phi L, ông Hồ Thanh T, ông Nguyễn Phước L, bà Hà Phượng L, anh Hồ Phi L, chị Hồ Khánh B, bà Dương Bé T, anh Hồ Văn R, chị Nguyễn Thị Mỹ N, chị Hồ Thị N, chị Hồ Kim D, bà Phan Thị N, chị Hồ Thúy N, anh Hồ Thanh T, chị Nguyễn Thị Diệu H, bà Nguyễn Kim Y, chị Hồ Kim N và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện ĐD đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

Trước đây, bà Nguyễn Ngọc C là người đại diện theo ủy quyền của bà N đã đóng tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho bà N nên Tòa án đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Hồ Minh D có đơn yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 2.540,9m^2 nhưng ông không tiến hành ký hợp đồng đo đạc với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm Dơi theo Giấy giới thiệu của Tòa án nên Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Tại phiên Tòa, ông L không yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 812m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông mà chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông D và những người ở trên đất trả lại phần đất diện tích 45,6m^2 và di dời tài sản trên đất. Xét thấy ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/02/2023 và các mảnh trích đo địa chính thể hiện phần đất tranh chấp tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 7.462,7m^2 tọa lạc ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, được chia làm các phần đất sau:

Phần đất thứ nhất diện tích 4.004,8m^2 có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Hồ Minh C, anh Hồ Văn R điểm M5M6 dài 47,65m; hướng Tây giáp kinh Tư Nhỏ điểm M1M2 dài 15,69m; hướng Nam giáp đất ông Hồ Chí H, ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị T điểm M6M7 dài 18,35, M7M8 dài 33m, M8M9 dài 154,4m, M9M10 dài 13,52m, M10M1 dài 27,18m; hướng Bắc giáp đất ông Hồ Tấn L điểm M2M3 dài 37,64m, M3M4 dài 23,36m, M4M5 dài 174,3m.

Phần đất thứ hai diện tích 942,6m^2 (bao gồm phần đất tranh chấp giữa ông U với ông D có diện tích 45,6m^2) có tứ cận: Hướng Đông giáp Lung Sình điểm M9M10 dài 29,75m; hướng Tây giáp lộ bê tông điểm M4M5 dài 1,58m, M5M6 dài 8,03m, M6M7 dài 10,06m, M7M8 dài 2,74m; hướng Nam giáp đất ông Hồ Văn U điểm M10M13 dài 39,91m, M13M4 dài 17,71m; hướng Bắc giáp đất anh Hồ Văn R điểm M8M9 dài 63,85m. Trên phần đất có một căn nhà, một cống xổ vuông, một giếng khoan và một số cây ăn trái.

Phần đất thứ ba diện tích 812m^2 có tứ cận: Hướng Đông giáp Lung Sình điểm M10M11 dài 18,22m; hướng Tây giáp lộ bê tông và phần đất tranh chấp với ông D điểm M3M4 dài 4,91m, điểm M4M13 dài 17,71; hướng Nam giáp đất ông Hồ Tấn L điểm M3M11 dài 48,2m; hướng Bắc giáp đất ông Hồ Minh D điểm

M10M13 dài 39,91m. Trên phần đất có một căn nhà, một cống xổ vuông và một số cây ăn trái.

Phần đất thứ tư diện tích 751,8m^2 có tứ cận: Hướng Đông giáp Lung Sình điểm M11M12 dài 16,84m; hướng Tây giáp lộ bê tông điểm M1M2 dài 0,74m, M2M3 dài 14,26m; hướng Nam giáp đất ông Hồ Minh Ch điểm M12M1 dài 46,5m; hướng Bắc giáp đất ông Hồ Văn U điểm M11M3 dài 48,2m. Trên phần đất có một căn nhà, một cống xổ vuông và một số cây ăn trái.

Phần đất thứ năm diện tích 951,5m^2 có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Hồ Văn U điểm M3M4 dài 9,5m; hướng Tây giáp đất ông Hồ Tấn L, bà Lê Thị N điểm M1M2 dài 4,6m; hướng Nam giáp đất ông Hồ Minh C điểm M4M1 dài 135,36m; hướng Bắc giáp đất anh Hồ Văn R điểm M2M3 dài 135,77.

[3] Tại Biên bản định giá tài sản ngày 27/3/2023 thể hiện: Phần đất diện tích 4.004,8m^2 có giá trị 46.000đ/m^2. Các phần đất còn lại có giá trị 77.000đ/m^2.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu của ông L về việc yêu cầu công nhận phần đất được diện tích 751,8m^2, ông D yêu cầu công nhận phần đất diện tích 2.540,9m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của hai ông, thấy rằng: Theo lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Lê Thị N, ông Hồ Văn T, sau đó ông bà đã cho ông D, ông L mỗi người một phần đất. Xét thấy: Ông D và ông L mặc dù chưa được cấp quyền sử dụng nhưng ông D đã sử dụng ổn định lâu dài đối với phần đất diện tích 897m^2, ông L đã sử dụng ổn định lâu dài đối với phần đất diện tích 751,8m^2, các ông đã sử dụng đất trước khi ông T được cấp quyền sử dụng và đã xây dựng công trình kiến trúc kiên cố trên đất. Tại phiên tòa, hàng thừa kế của bà N, ông T không đặt ra tranh chấp đối với các phần đất này, đồng ý cho ông D và ông L tiếp tục sử dụng và theo di chúc của bà N thể hiện đã thống nhất cho hai ông. Ông D căn cứ kết quả đo đạc ngày 14/12/2017 yêu cầu công nhận phần đất diện tích 2.540,9m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông là không có cơ sở vì theo kết quả thể hiện: Trong phần đất trên, một phần đất diện tích 1.628m^2 nằm trong quyền sử dụng của ông U và một phần đất diện tích 912,9m^2 nằm trong quyền sử dụng của ông T. Theo Biên bản hòa giải ngày 25/5/2023 ông D xác định phần đất diện tích 951,5m^2 (theo kết quả đo đạc ngày 14/12/2017 diện tích 912,9m^2) chưa cho ai.

Nên cần chấp nhận một phần yêu cầu của ông D. Công nhận cho ông D phần đất diện tích 897m^2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông D yêu cầu công nhận phần đất diện tích 1643,9m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông. Chấp nhận yêu cầu của ông L. Công nhận cho ông L phần đất có diện tích 751,8m^2.

[4.2] Xét yêu cầu của ông U về việc yêu cầu ông D, bà T, anh R và chị N trả lại phần đất diện tích 45,6m^2 và di dời các tài sản trên đất, thấy rằng: Theo như nhận định phần trên, Hội đồng xét xử chỉ công nhận phần đất diện tích 897m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông D, không bao gồm phần đất tranh chấp. Theo mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất thể hiện phần đất trên thuộc 01 phần của thửa

433A đã được UBND huyện ĐD cấp quyền sử dụng cho ông U theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V202207 ngày 27/6/2002 cùng thời điểm cấp cho ông Hồ Văn T. Nên cần buộc ông D, bà T, anh R và chị N trả cho ông U phần đất trên và di dời các tài sản trên đất là phù hợp.

[4.3] Theo như nhận định trên, phần đất còn lại diện tích 4.956,3m^2 (4.004,8m^2 + 951,5m^2) là di sản của bà N, ông T. Ông bà có 08 người con gồm: Ông Hồ Phi L, ông Hồ Minh D, ông Hồ Văn Q, bà Hồ Thị P, ông Hồ Tấn L, ông Hồ Thanh T, ông Hồ Văn U và ông Hồ Minh C. Ông T chết năm 2002 không để lại di chúc. Bà N chết ngày 06/12/2022 âm lịch có lập di chúc. Theo Bản di chúc thể hiện: Bà N cho ông C phần đất diện tích 4.127m^2. Phần đất còn lại diện tích 4.245,3m^2 cho ông D, ông L và ông U. Xét về hình thức di chúc được thực hiện đúng quy định khoản 1 Điều 630 của Bộ luật dân sự. Về nội dung di chúc: Phần đất còn lại của ông T, bà N có diện tích 4.956,3m^2 nên bà chỉ có quyền định đoạt một phần hai diện tích đất và một kỷ phần thừa kế bà được hưởng từ ông T. Cụ thể: 4.956,3m^2: 2 = 2.478,15m^2. Phần đất 2.478,15m^2 chia đều cho 08 người do ông L từ chối nhận di sản thừa kế gồm: Bà N, ông D, ông Q, bà P, ông L, ông Tèo, ông U và ông C, mỗi người được hưởng 309,76m^2. Như vậy, bà N được quyền định đoạt phần đất diện tích 2.787,91m^2 (2.478,15m^2 + 309,76m^2). Bà P, ông L và ông U đồng ý nhường một kỷ phần thừa kế cho ông C. Như vậy ông C được hưởng phần đất 2.787,91m^2 + 1.239,04m^2 (309,76m^2 x 4) = 4.026,95m^2.

Xét thấy, ông C đang quản lý, sử dụng phần đất diện tích 4.004,8m^2, ông D đang quản lý, sử dụng phần đất diện tích 951,5m^2 nên giao cho hai ông mỗi người được hưởng phần đất đang sử dụng. Ông D có trách nhiệm thanh toán cho ông Q, ông T và ông C giá trị tương đương phần đất các ông được hưởng. Cụ thể: Ông Q và ông T mỗi người 309,76m^2 x 77.000đ = 23.851.520đ, ông C 22,15m^2 (4.026,95m^2 – 4004,8m^2) x 77.000đ = 1.705.550đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D, ông Q không phải chịu do thuộc trường hợp được miễn án phí. Ông U không phải chịu do ông C tự nguyện chịu thay cho ông. Ông L, ông T và ông C phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.646.000đ: Các đương sự phải chịu tương ứng với phần đất được hưởng và phần yêu cầu không được chấp nhận. Theo bà C xác định số tiền đóng tạm ứng chi phí tố tụng là tiền của ông C nên các đương sự có trách nhiệm thanh toán cho ông C. Tại Tòa, ông C tự nguyện chịu thay cho ông U nên được ghi nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà C có yêu cầu được vắng mặt khi tuyên án nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Căn cứ các Điều 630, Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015; Điều 167 Luật đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Hồ Minh D về việc yêu cầu công nhận phần đất diện tích 897m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông. Công nhận cho ông Hồ Minh D được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 897m^2 thuộc thửa 605 tờ bản đồ số 6 tọa lạc ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Phần đất có tứ cận: Hướng Đông giáp Lung Sình điểm M9M10 dài 29,75m; hướng Tây giáp lộ bê tông điểm M6M7 dài 10,06m, M7M8 dài 2,74m; hướng Nam giáp đất ông Hồ Văn U và phần đất tranh chấp giữa ông D với ông U điểm M10M13 dài 39,91m, M13M6 dài 10,75m; hướng Bắc giáp đất anh Hồ Văn R điểm M8M9 dài 63,85m. *(Kèm theo Mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 16/02/2023)*

Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Hồ Minh D về việc yêu cầu công nhận phần đất diện tích 1643,9m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông.

Chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Tấn L về việc yêu cầu công nhận phần đất diện tích 751,8m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông. Công nhận cho ông Hồ Tấn L được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 751,8m^2 thuộc thửa 485 tờ bản đồ số 6 tọa lạc ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Phần đất có tứ cận: Hướng Đông giáp Lung Sình điểm M11M12 dài 16,84m; hướng Tây giáp lộ bê tông điểm M1M2 dài 0,74m, M2M3 dài 14,26m; hướng Nam giáp đất ông Hồ Minh C điểm M12M1 dài 46,5m; hướng Bắc giáp đất ông Hồ Văn U điểm M11M3 dài 48,2m. *(Kèm theo Mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 16/02/2023)*

Chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn U. Buộc ông Hồ Minh D, bà Dương Bé T, anh Hồ Văn R và chị Nguyễn Thị Mỹ N trả cho ông Hồ Văn U phần đất diện tích 45,6m^2 thuộc thửa 603 tờ bản đồ số 6 tọa lạc ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau và di dời các tài sản trên đất. Phần đất có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Hồ Minh D, ông Hồ Văn U M13M4 dài 17,71m; hướng Tây giáp lộ bê tông điểm M4M5 dài 1,58m, M5M6 dài 8,03m; hướng Nam giáp phần đất ông Hồ Văn U điểm M13M4 dài 17,71m; hướng Bắc giáp đất anh Hồ Minh D điểm M13M6 dài 10,75m. *(Kèm theo Mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 16/02/2023)*.

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Hồ Văn Q, ông Hồ Thanh T, ông Hồ Văn U, Hồ Văn C.

Giao cho ông Hồ Minh C được hưởng phần đất diện tích 4004,8m^2 thuộc thửa 449 tờ bản đồ số 06 tọa lạc ấp T, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Phần đất có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Hồ Minh C, anh Hồ Văn R điểm M5M6 dài 47,65m; hướng Tây giáp kinh Tư Nhỏ điểm M1M2 dài 15,69m; hướng Nam giáp đất ông Hồ Chí H, ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị T điểm M6M7 dài 18,35, M7M8 dài 33m, M8M9 dài 154,4m, M9M10 dài 13,52m, M10M1 dài 27,18m; hướng Bắc giáp đất ông Hồ Tấn L điểm M2M3 dài 37,64m, M3M4 dài 23,36m, M4M5 dài 174,3m. *(Kèm theo Mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 08/02/2022).*

Giao cho ông Hồ Minh D được hưởng phần đất diện tích 951,5m^2 thuộc thửa 523 tờ bản đồ số 06 tọa lạc ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Phần đất có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Hồ Văn U điểm M3M4 dài 9,5m; hướng Tây giáp đất ông Hồ Tấn L, bà Lê Thị N điểm M1M2 dài 4,6m; hướng Nam giáp đất ông Hồ Minh C điểm M4M1 dài 135,36m; hướng Bắc giáp đất anh Hồ Văn R điểm M2M3 dài 135,77. (Kèm theo Mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 16/02/2023).

Buộc ông Hồ Minh D có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Văn Q, ông Hồ Thanh T mỗi người số tiền 23.851.520đ (hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi mốt nghìn năm trăm hai mươi đồng).

Buộc ông Hồ Minh D có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Minh C số tiền 1.705.550đ (một triệu bảy trăm lẽ năm ngàn năm trăm năm mươi đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Minh D, ông Hồ Văn U, ông Hồ Văn Q không phải chịu. Ông U đã nộp tạm ứng án phí 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013633 ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại. Ông Hồ Tấn L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014154 ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được đối trừ, đã nộp đủ. Ông Hồ Thanh T phải chịu 1.192.000đ (một triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng). Ông Hồ Minh C phải chịu 9.346.000đ (chín triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), ông đã nộp tạm ứng án phí 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014124 ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi đối trừ, ông C còn phải nộp tiếp số tiền 6.946.000đ (sáu triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.646.000đ: Ông Hồ Minh C phải chịu 6.282.042đ. Ông Hồ Minh D phải chịu 3.220.402đ. Ông Hồ Văn Q và ông Hồ Thanh T mỗi người phải chịu 483.226đ. Ông Hồ Tấn L phải chịu 1.172.808đ. Buộc ông Hồ Minh D có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Minh C số tiền 3.220.402đ. Buộc ông Hồ Văn Q và ông Hồ Thanh T mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Minh C số tiền 483.226đ. Buộc ông Hồ Tấn L có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Minh C số tiền 1.172.808đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Châu và các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng